

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/12/2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thụ

Các Hội thẩm nhân dân

Ông Trương Văn Lộc

Bà Lê Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Long – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 50/2021/HNST ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố E.

Tạm trú: Tổ F, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố E.

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố E.

Tạm trú: Tổ F, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 10/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày:

Bà và ông S tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, Thành phố E vào ngày XX/XX/XXXX. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được 13 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hợp, ông S thường xuyên

đánh đập bà. Nay xét thấy hạnh phúc hôn nhân không đạt được, bà xin ly hôn với ông Sanh.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày XX/XX/XXXX và Nguyễn Hoàng T, sinh ngày XX/XX/XXXX. Bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn S: Ông S vắng mặt tại phiên tòa và quá trình giải quyết cũng không có văn bản phản hồi về yêu cầu của bà H đối với việc ly hôn, về con chung và về tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại các điều 170, 171, 173, 179 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng trình tự, thủ tục nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị H là chính đáng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Võ Thị H có khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Nguyễn Văn S. Ông S có nơi cư trú tại Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố E. Do đó, đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn S đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Võ Thị H và ông Nguyễn Văn S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, Thành phố E, Giấy chứng nhận kết hôn số XX, quyển số X/XXXX, ngày XX/XX/XXXX nên có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông S là hợp pháp, quyền lợi của các bên được pháp luật bảo vệ.

Xét quá trình giải quyết vụ án, bà H trình bày quá trình chung sống bà và ông S tính tình, quan điểm sống không hợp, ông S thường xuyên đánh đập bà. Nay xét thấy hạnh phúc hôn nhân không đạt được, bà xin ly hôn với ông S.

Quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông S đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông S vắng mặt không có lý do và không có văn bản phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Từ đó cho thấy ông S đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này.

Xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp, quan tâm chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc nhưng mâu thuẫn giữa bà H và ông S đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà H yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở để chấp nhận.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày XX/XX/XXXX và Nguyễn Hoàng T, sinh ngày XX/XX/XXXX. Xét thấy, bà Võ Thị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và hiện nay cháu T và cháu T đang sống cùng bà H, đồng thời hai cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng bà H. Các cháu đã có môi trường sống, học tập ổn định, do đó việc thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tâm, sinh lý của hai cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu T và cháu T cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Do bà Võ Thị H là người nộp đơn xin ly hôn nên bà phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016;

- Căn cứ vào các điều 2, 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Võ Thị H và ông Nguyễn Văn S (Giấy chứng nhận kết hôn số XX, quyển số X/XXXX, ngày XX/XX/XXXX của Ủy ban nhân dân xã Tổ xã C, huyện D, Thành phố E, hết hiệu lực).

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày XX/XX/XXXX và Nguyễn Hoàng T, sinh ngày XX/XX/XXXX cho bà Võ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Nguyễn Văn S được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích con trẻ, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị H không yêu cầu ông Sanh cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Võ Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AG/2011/XXXXXX ngày XX tháng XX năm XXXX của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ. Bà H đã nộp đủ án phí.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Cần Giờ;
- THADS huyện Cần Giờ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Nguyễn Văn Thụ**